

Những định hướng giá trị xã hội - nghề nghiệp của sinh viên trong giai đoạn hiện nay

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO*

Nền giáo dục đại học nước ta đã trải qua gần nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành. Ngày nay cả nước đã có 102 trường đại học và cao đẳng với tổng số 125.000 sinh viên. Riêng thành phố Hà Nội đã có 32 trường đại học với 45.000 sinh viên. Với đội ngũ đông đảo và những đặc điểm riêng vốn có của mình, giới sinh viên đang giữ một vai trò và vị trí quan trọng trong cơ cấu xã hội của xã hội ta. Lực lượng trí thức, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật - những đại biểu của văn minh và tiến bộ ở thế kỷ XXI của đất nước đang trông chờ vào lớp sinh viên ngày nay. Tuy nhiên, cũng như ở các nhóm xã hội khác, có không ít vấn đề đang được đặt ra trong giới sinh viên và rất cần được tìm hiểu và giải quyết kịp thời. Trong khi đó, hiểu biết của chúng ta về nhóm xã hội này còn quá ít ỏi. Diện mạo xã hội, diện mạo 'tinh thần của giới sinh viên lại càng khó định hình trong điều kiện có những đổi thay quan trọng trong đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước và trên thế giới.

Từ giác độ xã hội học, có thể xem giới sinh viên như là một nhóm nhân khẩu-xã hội đặc thù, hình thành và phát triển trong một giai đoạn chuyển tiếp cực kỳ quan trọng của quá trình xã hội hóa thanh niên. Trong thời kỳ này, ở người sinh viên có sự biến đổi mạnh mẽ về động cơ, về thang giá trị xã hội có liên quan đến nghề nghiệp. Họ xác định con đường sống tương lai, tích cực nắm vững nghề nghiệp và bắt đầu thể nghiệm mình trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Thực tiễn nước ta cũng cho thấy sinh viên hiện nay đang có những biểu hiện khác với những năm trước đây ở mục đích và động cơ vào trường, động cơ học tập và việc chọn nghề nghiệp, nơi công tác sau này. Có hiện tượng đó là do có sự tác động mạnh mẽ của những biến động về kinh tế - xã hội vào công tác giáo dục, đào tạo của nhà trường nói chung và đối với mỗi người sinh viên nói riêng.

Trước đây cũng như mọi ngành trong cả nước, ngành giáo dục và đào tạo hoạt động trong cơ chế hành chính bao cấp; việc tuyển chọn và đào tạo sinh viên phải tuân theo một kế hoạch từ trên xuống, bất chấp nhu cầu cụ thể của từng lĩnh vực kinh tế, từng địa phương khác nhau. Chúng ta hướng nghiệp cho sinh viên theo kiểu chủ quan, không tính đến nguyện vọng, khả năng của sinh viên hay nói cách khác là không chú ý tới cá nhân người sinh viên. Các sinh viên hễ đã vào trường đại học là mặc nhiên sẽ ra trường, sẽ được phân bổ làm ở một cơ quan, xí nghiệp, một đơn vị sản xuất nào đó. Chính cơ chế đào tạo giáo dục này đã làm cho sinh viên trở nên thụ động, thực hiện mọi sự phân công của nhà trường. Mục đích, động cơ học tập, định hướng giá trị xã hội - nghề nghiệp của thanh niên nói chung và của sinh viên nói riêng thời kỳ này rất "chung chung" và không thiết thực, không phải là vấn đề cần phân đầu đạt được của mỗi sinh viên.

Những năm gần đây, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của nước ta có nhiều thay đổi. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đang đòi hỏi các trường đại học phải thay đổi phương hướng và mục tiêu đào tạo. Điều này tất yếu có ảnh hưởng tới việc định hướng giá trị xã hội - nghề nghiệp của sinh viên. Giờ đây, sinh viên tốt nghiệp phải tự tìm việc làm cho mình, nếu học giỏi, học đúng nghề, đúng ngành xã hội đang cần thì sẽ được sử dụng. Ngược lại nếu học kém, học ngành xã hội đang dư thừa thì sẽ bị thất nghiệp.

Trên cơ sở số liệu của cuộc điều tra về sinh viên do khoa Triết học, trường Đại học Tổng hợp tiến hành vào tháng 11 năm 1990 ở 5 trường đại học tại Hà Nội: Đại học Bách khoa, Đại học Tổng hợp, Đại học Sư phạm I, Đại học Kinh tế quốc dân và Đại học Văn hóa, chúng tôi lưu tâm tới 2 vấn đề: 1) Sự lựa chọn ban đầu, động cơ và mục đích vào trường; 2) Chuẩn bị ra trường, những suy nghĩ về phẩm chất nghề nghiệp và chỗ làm việc trong

*. Cán bộ nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu khoa học và phụ nữ: Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

tương lai của sinh viên. Qua đó hy vọng có thể phác họa một vài nét về sự hình thành và biến đổi những định hướng giá trị xã hội - nghề nghiệp của sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

1. Sự lựa chọn ban đầu, động cơ và mục đích vào trường

Dưới góc độ xã hội học thì sự lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên là một sự tìm kiếm và khẳng định giá trị xã hội có liên quan tới nghề nghiệp tương lai. Đó là những vấn đề như: uy tín nghề nghiệp, vị trí của ngành nghề đó trong xã hội, lợi ích vật chất và tinh thần mà họ có được khi làm nghề đó, vấn đề sở thích cá nhân, năng lực của thanh niên, nhu cầu của xã hội về ngành nghề đó...

Trong sự lựa chọn nghề nghiệp tương lai của mình, người thanh niên chịu sự chi phối của rất nhiều nhân tố: lợi ích cá nhân, ảnh hưởng của gia đình (truyền thống gia đình hay theo lời khuyên của cha mẹ), của môi trường xã hội, dư luận xã hội, của bạn bè, của hoạt động tuyên truyền hướng nghiệp của các phương tiện thông tin đại chúng. Song mức độ tác động của các nhân tố này đối với mỗi thanh niên là khác nhau. Điều này phụ thuộc vào bản thân người thanh niên (khả năng học tập sở thích cá nhân), vào thành phần xuất thân, vào môi trường xã hội mà họ sống trước khi vào trường, vào điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước...

Với câu hỏi "bạn vào trường và ngành đang học vì những lý do gì?" cho thấy những lý do mà người thanh niên học sinh vào trường hoàn toàn theo đúng những phân tích ở trên. Người thanh niên lựa chọn nghề nghiệp tương lai cho mình trước hết vì những lý do có liên quan đến lợi ích cá nhân (hợp với khả năng, nguyện vọng, nghề dễ kiếm việc làm, ngành và trường lấy điểm chuẩn vừa sức), tiếp theo là những lý do có liên quan đến ảnh hưởng của gia đình (truyền thống gia đình, lời khuyên bảo của cha mẹ) và của bè bạn...

Trong 9 lý do được đưa ra thì lý do "hợp với khả năng và sở thích" Chiếm tỷ lệ cao nhất. Số liệu cụ thể như sau:

Đại học Sư phạm 1	60,7%
Đại học Bách khoa	78,7%
Đại học Tổng hợp	73,32%
Đại học Kinh tế quốc dân	75,5%.

Có một hiện tượng là tỷ lệ chung "hợp với khả năng và sở thích" ở trường Sư phạm đạt thấp nhất. Chúng ta đều biết rằng đời sống vật chất và điều kiện sinh hoạt của các thầy cô giáo trong những năm gần đây bị sút giảm nghiêm trọng. Nhiều thầy cô giáo phải bỏ nghề. Số khác phải vừa dạy vừa làm thêm các nghề khác rất vất vả. Chính vì vậy mà có tới gần 40% học sinh thi vào trường Sư phạm không hợp với khả năng và sở thích của mình và vì những lý do khác như: điểm chuẩn vừa sức, ngành dễ kiếm việc làm... Trong khi đó số học sinh vào các trường Bách khoa, Tổng hợp, Kinh tế quốc dân lý do hợp với khả năng và sở thích chiếm tỷ lệ cao hơn hẳn. Phải chăng trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hiện nay, các ngành đó có uy tín hơn, dễ kiếm việc làm và có thu nhập cao hơn ngành Sư phạm và do đó thu hút được nhiều thanh niên học sinh hơn? Lý do "dễ tìm việc làm" nói chung chiếm vị trí thứ hai sau lý do "hợp với khả năng và sở thích". Số liệu cụ thể như sau:

Đại học Sư phạm 1	44,30%
Đại học Bách khoa	40,15%
Đại học Tổng hợp	29,38%
Đại học Kinh tế quốc dân	59,70%.

Nếu như cách đây 5-10 năm tiêu chí này không được nêu ra, hoặc được nêu ra dưới dạng "dễ phân công công tác", thì ngày nay lý do này được bản thân người học sinh và gia đình họ đặc biệt quan tâm. Bởi vì trước kia chúng ta đào tạo sinh viên theo kế hoạch, sinh viên ra trường là có việc làm, không lo bị thất nghiệp, nếu có lo thì chỉ là sao cho có chỗ làm hợp với ý mình. Song giờ đây, khi tốt nghiệp đại học, sinh viên phải tự lo công việc cho mình theo chế độ thi xù, vậy tất yếu khi vào trường họ đã phải nghĩ ngay tới việc ra trường họ sẽ làm việc ở đâu, có dễ tìm được việc làm hay không. Động cơ này được hình thành và ngày càng có xu hướng phát triển do sự tác động của điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Nhưng điều đáng lưu ý ở đây là tỷ lệ vào trường

Sự phạm vi lý do này thấp hơn lý do "theo lời khuyên của cha mẹ" (44,30% và 56,3%). Điều này phản ánh một thực tế là nữ học sinh thường nghe theo lời khuyên của cha mẹ hơn nam học sinh, bởi vì ở trường Sự phạm sinh viên nữ chiếm khoảng 65%, trong khi ở 3 trường kia số sinh viên nam cao hơn hẳn (ở Bách khoa nữ chiếm 11%). Và thực tế cho thấy là sinh viên học nghề Sự phạm khổ tìm việc làm hơn những người học Bách khoa hay Kinh tế quốc dân.

Như đã nói, người học sinh khi chọn nghề nghiệp tương lai cho mình chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố, song mức độ tác động của các nhân tố này là khác nhau tùy thuộc vào bản thân người sinh viên, vào khả năng học tập, môi trường gia đình và xã hội... Chẳng hạn, sinh viên vào trường Bách khoa theo lý do "hợp với khả năng và sở thích" chiếm tỷ lệ cao nhất ở cả nam lẫn nữ, song tỷ lệ này ở nam cao hơn hẳn nữ (80,92% và 62,26%). Ở đây ắt phải có sự tác động của yếu tố tâm lý giới tính. Nam thanh niên thường tự tin hơn, hành động theo sở thích của mình hơn nữ thanh niên. Nữ sinh thường chịu khó lắng nghe ý kiến của cha mẹ, bạn bè, dư luận xã hội... Thực tế số liệu điều tra thu được cho thấy đúng như vậy:

Lý do	Nữ	Nam
- "Theo truyền thống gia đình"	28,30%	17,56%
- "Trường gần nhà"	39,62%	11,96%
- "Lời khuyên của cha mẹ"	43,40%	30,53%

Những môi trường sống khác nhau: nông thôn và thành thị cũng là một nhân tố có ảnh hưởng tới việc lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên. Ở trường Bách khoa, theo lý do "điểm chuẩn vừa sức" có 41,26% sinh viên xuất thân từ nông thôn và 25,0% sinh viên xuất thân từ thành thị xác nhận, còn với lý do phương gần nhà" các tỷ lệ tương ứng là 1,94% và 26,67%

Điều này khá dễ hiểu vì thanh niên học sinh nông thôn không có điều kiện học tập tốt bằng thanh niên học sinh thành thị nên khi thi họ phải "lượng sức mình" và đã ở nông thôn thì rất ít khả năng nhà gần trường vì vậy mà lý do này chiếm một tỷ lệ không đáng kể.

Nói tóm lại, là một lực lượng trẻ rất năng động và nhạy cảm với cuộc sống, trong việc chọn trường, chọn ngành học, người sinh viên ngày nay đã có những "tiêu chuẩn" mới cho sự lựa chọn của mình, khác với thế hệ sinh viên những năm 70. Sinh viên ngày nay tự tin hơn, thực tế hơn, cập nhật hơn với những biến đổi xã hội. Vấn đề còn lại có ý nghĩa quyết định có lẽ là phương thức tiến hành quá trình đào tạo

2. Chuẩn bị ra trường: những suy nghĩ về phẩm chất nghề nghiệp và chỗ làm việc trong tương lai

Với mục đích học đại học là làm theo một ngành, nghề nhất định cho nên xã hội nói chung và từng người sinh viên, dù trường nào, cũng quan tâm tới những phẩm chất cần thiết như: kiến thức chung rộng, năng lực tổ chức quản lý, tư cách đạo đức tốt, tính tích cực chính trị xã hội cao, có những hiểu biết nhất định về văn hóa và nghệ thuật... nghĩa là chú ý tới sự phát triển toàn diện của người trí thức mới. Nhưng điều này được phản ánh rõ nét trong quan niệm hay là hình dung của người sinh viên về những phẩm chất cần có của người cán bộ tốt nghiệp đại học. Thực chất đó cũng là hình mẫu mà họ muốn thấy ở chính bản thân mình.

Với câu hỏi " theo bạn người cán bộ khi ra trường cần những phẩm chất nào?", chúng tôi thu được kết quả như sau:

Có năng lực chuyên môn giỏi	93,3%
Có năng lực tổ chức và quản lý giỏi	53,0%
Tư cách đạo đức tốt	48,3%
Có kiến thức chung rộng	42,3%
Giỏi ngoại ngữ	39,5%
Có lập trường chính trị vững vàng	10,6%
Có tính tích các chính trị xã hội cao	5,8%

Qua số liệu trên chúng ta nhận thấy rằng đối với sinh viên "có năng lực chuyên môn giỏi" là phẩm chất quan trọng nhất của người cán bộ sau này, tỷ lệ này chiếm 93,3% (trên tổng số mẫu 1,629 sinh viên ở 5 trường). Phẩm chất "có năng lực tổ chức, quản lý giỏi" và "tư cách đạo đức tốt cũng là những vấn đề sinh viên quan tâm nhiều (đạt 53,0% (và 48,3%). Không có sự khác nhau đáng kể giữa nam và nữ, giữa nông thôn và thành thị. "Có kiến thức chung rộng" là một trong những phẩm chất người sinh viên mong muốn, chiếm 42,3%. Có thể nhận xét ngay rằng, một hình mẫu về người cán bộ tốt nghiệp đại học như vậy quả là không tồi nếu không nói là đẹp và "chuẩn" với các mục tiêu đào tạo của nhà trường. Song cũng như trong nhiều trường hợp, đáng tiếc là giữa' ý thức và hành động thực tiễn lại luôn tồn tại một khoảng cách nhất định.

Chúng ta biết rằng năng lực chuyên môn giỏi ở mỗi người phải được củng cố và làm giàu thêm bằng thực tiễn, bằng vốn sống, bằng những suy nghĩ năng động, dám nghĩ dám làm của mỗi người. Chỉ khi nào kiến thức và năng lực chuyên môn vượt qua được một ngưỡng nào đó, cũng như đạt tới sự tự ý thức về vị trí của bản thân trong xã hội thì khi ấy nó mới chỉ đạo hoạt động và hoạt động đó mới có tính tự giác cao và đạt hiệu quả tốt. Ở đây có mối quan hệ khăng khít giữa kiến thức, niềm tin và hành động. Kiến thức chuyên ngành, năng lực chuyên môn là nền tảng đóng vai trò cơ sở để xác lập niềm tin. Và khi niềm tin được hình thành vững chắc thì nó là động lực mạnh mẽ trực tiếp chi phối mọi hoạt động và định hướng cho nhân cách của sinh viên. Khi đó hoạt động của sinh viên sẽ có sự lựa chọn đúng đắn từ những tác động đa dạng của cuộc sống để hướng nó vào một mục đích cụ thể là lao động sáng tạo và cống hiến cho xã hội.

Song cũng phải thừa nhận một thực tế là đời sống của sinh viên còn thiếu thốn, những bữa ăn tập thể của sinh viên còn quá đạm bạc, phương tiện học tập vẫn còn ở mức tối thiểu. và xa hơn nữa là những bất công của xã hội chưa được đẩy lùi. Nhiều sinh viên khi ra trường không có việc làm hoặc phải chạy chọt 2-3 năm, thậm chí 4 - 5 năm mới xin được việc làm. Hiện tượng sinh viên phải làm những công việc không phù hợp với ngành nghề đào tạo, thậm chí phải kiếm sống bằng những công việc lao động phổ thông còn tương đối phổ biến. Trước tình hình đó niềm tin của không ít sinh viên bị lung lay, nhiều sinh viên không còn phấn khởi và tích cực trong học tập. .Nền kinh tế hàng hóa nhiều 'thành phần đang được hình thành với sự điều tiết của Nhà nước song chưa bảo đảm, chưa hoàn chỉnh. ảnh hưởng của lối sống thực dụng phần nào làm đảo lộn nhiều giá trị đạo đức xã hội, khiến cho nhiều sinh viên suy nghĩ khác đi về nghề nghiệp, lý tưởng và lối sống. Người tốt nghiệp đại học Sư phạm lại không muốn làm thầy giáo. Người học xong đại học Tổng hợp lại muốn hùn vốn đi buôn... Trong số này có những người vì không xin được việc làm, nhưng cũng có nhiều người thấy làm cán bộ nhà nước lương "ba cọc ba đồng" không sống nổi, nên muốn tự tìm lối thoát "thực tế nhất. Lại có cả những sinh viên vì thấy tương lai ngành khoa học mình đã chọn quá mờ mịt, nên chỉ cần có một chỗ trong cơ quan nhà nước để rồi "chân ngoài dài hơn chân trong làm thêm kiếm sống một cách chật vật . . .

Tất cả những điều này phản ánh một thực trạng khủng hoảng định hướng nghề nghiệp, trong việc tìm kiếm công việc làm sau khi ra trường của sinh viên.

Đây cũng là hậu quả tất yếu của việc chuyển hệ thống đào tạo trong điều kiện chế độ quản lý bao cấp sang một nền kinh tế hàng hóa, nơi mà sức lao động, trong đó có cả lao động có trình độ đại học, đang bị "hàng hóa hóa" từng phần. Tuy nhiên, sự khủng hoảng mất định hướng này lại là nguyên nhân thúc đẩy sự hình thành những định hướng mới, đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống và sự thích ứng của mỗi cá nhân.

Kết quả điều tra ở 5 trường đại học tại Hà Nội cho thấy nguyện vọng về nơi làm việc của sinh viên sau khi ra trường là như sau:

- 39% sinh viên có nguyện vọng khi ra trường chỉ cần có việc làm trong các cơ quan nhà nước là được.
- 14,7% sinh viên có nguyện vọng ra trường làm nghề tự do.
- 26.5% sinh viên muốn làm việc ở cơ quan nghiên cứu
- 19,8% sinh viên có nguyện vọng làm công tác giảng dạy.

Đặc biệt đại học Sư phạm là nơi đào tạo những "kỹ sư tâm hồn" cho xã hội mà chỉ có 69,8% sinh viên ra trường muốn làm nghề dạy học.

Trong tình hình kinh tế - xã hội hiện nay của đất nước, mục tiêu đào tạo của các trường đại học không chỉ bó hẹp trong phạm vi phục vụ cho thành phần kinh tế quốc doanh, mà nhằm phục vụ cho nền kinh tế nhiều thành phần. Không phải tất cả các sinh viên tốt nghiệp đại học đều sẽ làm việc trong biên chế nhà nước. Tuy nhiên, tâm lý, quan niệm cũ của thời bao cấp vẫn còn để lại dấu vết của nó. Phần đông sinh viên (85,3%) vẫn định hướng tìm việc làm trong các cơ quan, xí nghiệp nhà nước. Chỉ có 14,7% là sẵn sàng thử sức mình ngoài thị trường lao động tự do. Ở đây chúng ta thấy cuộc sống đang đòi hỏi những người tốt nghiệp đại học cần có trình độ chuyên môn và bản lĩnh sống vững vàng như thế nào để có thể chấp nhận mở đầu con đường nghề nghiệp của mình. Ở một môi trường mới. Nếu như nhóm 14,7% vừa nêu trên là một cực, thì nhóm 39% chỉ cần có chỗ làm trong cơ quan nhà nước và được lại ở một cực khác. Họ vẫn còn thụ động, chưa tìm được cách thích nghi với đòi hỏi của cuộc sống và sẵn sàng hy sinh nghề nghiệp mà mình yêu thích để có "một chỗ yên thân" trong bộ máy hành chính hoặc trong các cơ sở được sự bao cấp của nhà nước.

Và điều này cho thấy một sự phân hóa rõ rệt các định hướng nghề nghiệp của sinh viên hiện nay, do những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể gây ra. Như vậy, sự nghiệp giáo dục - đào tạo của chúng ta thực sự đang đặt ra những vấn đề nóng bỏng, cần được đầu tư nhiều công sức và trí tuệ để có được những giải pháp hợp lý